

PHÂN TÍCH NGHỆ THUẬT TẢ CẢNH NGỤ TÌNH TRONG TÁM CÂU THƠ CUỐI ĐOẠN TRÍCH KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH CỦA NGUYỄN DU

1. Dàn ý phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích của Nguyễn Du

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích:

+ Tác phẩm “Truyện Kiều” là một tuyệt phẩm của tác giả Nguyễn Du. Ông đã đóng góp cho nền thi ca Việt Nam cổ đại một tác phẩm tuyệt vời có sức sáng tạo, vang xa tới nhiều thế hệ sau.

+ Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một đoạn trích hay nó đã lột tả được tâm trạng của Thúy Kiều.

b. Thân bài:

- Giới thiệu qua về hoàn cảnh của Thúy Kiều vì đâu mà nàng lại có mặt tại lầu Ngưng Bích này.

- Sau khi gia đình lâm biến và bị Mã Giám Sinh dùng mưu hèn kế bẩn, gạt gẫm lừa tình rồi bị bán vào thanh lâu, Thúy Kiều đã định tự kết liễu đời mình, nhưng kế hoạch của nàng không thành công.

- Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người.

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

- Phân tích hai từ “khóa xuân” hai từ này đã gợi lên trong lòng người đọc rất nhiều cảm xúc chua chát.

Thúy Kiều sắc nước hương trời

- Không gian càng mênh mông tăm tối, mịt mù càng làm cho tâm trạng Thúy Kiều trở nên thê lương bi đát hơn bao giờ hết. Một cuộc sống bị giam cầm tù đày cả về tâm hồn, lẫn thể xác.

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

- Hai từ “bẽ bàng” đã lột tả được mọi sự ê chề, đau đớn của Thúy Kiều, khi cô vừa bị Mã Giám Sinh lừa tình, rồi lại còn bị bán vào lầu xanh.

- “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” con người và cảnh vật đã thật sự hòa nhập vào làm một. Cảnh vật cũng như người đều mang cảnh u sầu, trống trải, cô đơn khắc khoải...

- Trong những câu thơ tiếp theo tác giả đưa nhịp bài thơ nhanh hơn, chuyển hướng tâm trạng của Thúy Kiều hồi tưởng lại những ngày xưa bình yên hạnh phúc.

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ”*

*Bên trời góc bể bơ vơ
Tám sơn gột rửa bao giờ cho phai”*

- Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng mỗi tình đầu của nàng trong sự ê chề, bế bång, tủi nhục này người nàng nhớ về đầu tiên chính là chàng Kim Trọng, nhớ người đã thề hẹn ước nguyện với nàng.

*“Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”*

- Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng nghĩ về những người sinh thành ra mình, cảm thấy xót xa.

- Tâm trạng của Thúy Kiều lại trở về với thực tại của đời mình, trở về với nỗi đau hiện thực:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

- Điệp từ “buồn trông” được nhắc đi nhắc lại trong khổ thơ. Nó như tâm trạng của Kiều lúc này, đúng là “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Câu thơ nói lên sự lênh đênh trên chặng đường đời nhiều sóng gió trước mặt Kiều. Nó nói lên sự phong ba, gập ghềnh mà Kiều sẽ phải đi qua:

*“Buồn trông song cuốn mặt duềnh
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

c. Kết bài

- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh được vẽ lên với những màu sắc xám lạnh, gợi tả tâm trạng vô cùng sống động, nhưng nó cũng nhiều thể lượng ai oán.

- Phân tích bút pháp nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” của Nguyễn Du. Cảnh và người trong đoạn trích như hòa vào làm một.

2. Cảm nhận Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích của Nguyễn Du

Nguyễn Du là bậc thầy ngôn từ của thơ ca Việt Nam, là ngòi bút thiên tài trong việc sử dụng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình để nói lên tâm trạng con người. Bút pháp tả cảnh ngụ tình ở đây được hiểu là mượn cảnh vật để gửi gắm tâm trạng của nhân vật. Cảnh không chỉ là bức tranh tâm trạng mà còn là nơi con người có thể giải bày tâm trạng của mình, trong tình có cảnh, trong cảnh có tình. Vì vậy mà Nguyễn Du đã đưa ra quan điểm của mình khi ông tả cảnh:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

Nguyễn Du với ngòi bút điêu luyện, tinh tế trong lối miêu tả cảnh ngụ tình đã đưa tâm hồn con người hòa vào cảnh vật. Nhưng cũng đồng thời lấy hình ảnh con người soi rọi tâm hồn tạo nên sự kết hợp hài hòa giữa hai chiều. Vì vậy, mà trong suốt thiên truyện, mỗi bước chân của Kiều đều được gắn với hình ảnh của thiên nhiên. Trong truyện Kiều nghệ thuật tả cảnh ngụ tình thật muôn hình vạn trạng, mỗi một bức tranh thiên nhiên lại gắn với một tâm trạng của con người, soi rọi con người, giúp cho nhân vật gửi gắm tâm trạng của mình. Nghệ thuật ấy đã vẽ nên những bức tranh tả cảnh ngụ tình đạt đến tuyệt bút. Người đọc không thể quên được bức tranh hòa quyện tình cảnh trong đoạn “Kiều ở Lầu Ngưng

Bích”

Đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là sự kết hợp, giao hoà của hai yếu tố cảnh vật và tâm trạng. Hay nói cách khác đó là đỉnh cao của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình- một bức tranh tả cảnh ngụ tình đạt đến tuyệt bút. Đoạn trích nằm ở phần thứ hai của truyện- Gia biến và lưu lạc, như những cụm mây đen đầu tiên che phủ lên cuộc đời Kiều. Đành đoạn dứt tình với Kim Trọng, nàng nguyện hiến thân cứu cha. Cái trong trắng của một tiểu thư từ nhỏ được mẹ cha bảo bọc, tình phụ tử sâu nặng và lòng hiếu thảo của đứa con ngoan đã đẩy nàng Kiều vào vòng lừa lọc từ những kẻ buôn người. Nỗi uất ức của nàng được Tú Bà xoa dịu bằng ngày tháng giam cầm ở lầu cao với cố rằng để nàng tịnh tâm, bình phục. Những vắn thơ buồn mệnh mang như gieo vào lòng người đọc nỗi niềm xót xa không nguôi. Trước hết, Nguyễn Du diễn tả nỗi cô đơn của Kiều. Câu thơ đầu đã đưa người đọc vào không gian tù hãm nên cảnh vật do đó cũng nhuốm màu tâm trạng:

“Trước lầu ngưng bích khóa xuân”

Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.”

Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, hai chữ "khóa xuân" đã nói lên điều đó. Chữ khóa xuân lấy từ điểm tích Chu Du bị gió đông cản việc phóng hỏa đốt trại Xích Bích, nên Đông Tước không bị cháy, nhưng chính vì đó đã khóa chặt tuổi xuân hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều:

“Đông phong bất dữ chu lang tiện

Đông tước xuân tâm tỏa nhị Kiều”

Qua đó chúng ta nhận thấy đó là không gian tù hãm. Khung cảnh thiên nhiên ở đây được vẽ ra bằng khung cảnh nội tâm nhân vật. Cảnh vắng lặng, tuyệt đối không có một chút âm thanh, một bóng người như càng được cô lập Kiều trong sự cô đơn đến rợn người. Bởi vậy, dù có cả "vẻ non xa" lẫn "tấm trắng gần" nhưng cảnh vật ấy chẳng thể nào gợi lên một chút tươi vui hay ấm áp. Nhà thơ đã dùng hai chữ "ở chung" thật khéo. Kiều trông thấy tất cả những thứ đó nhưng với nàng, chúng chẳng khác gì nhau và càng không có gì đặc biệt. Hai yếu tố trái ngược non xa, trắng gần tưởng như phi lí nhưng thực ra đã diễn tả rất chính xác sự trống trải của cảnh vật qua con mắt của Kiều. Khung cảnh "bốn bề bát ngát" chỉ càng khiến cho lòng người thêm gợi nhớ:

“Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia”

Có thể hình dung rất rõ một không gian mệnh mang đang trải rộng ra trước mắt Kiều. Một người bình thường đứng trước không gian ấy cũng khó ngăn được nỗi buồn. Với Kiều, không gian rộng rãi, trống trải ấy chỉ càng khiến nàng suy nghĩ về cuộc đời mình:

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

Đó là một khung cảnh thiên nhiên rộng mênh mông, vắng lặng không một bóng người. Cái vắng lặng của thiên nhiên và cái mênh mông của đất trời đã khắc sâu vào trong lòng người cảm giác cô đơn. Trong tâm hồn Thúy Kiều và dồn tới lớp lớp những nỗi niềm chua xót đau thương. Chỉ sáu câu thơ, bằng nét bút chấm phá tài hoa, bức tranh thiên nhiên luôn làm nền cho hoạt động nội tâm của Kiều. Cảnh tình như hòa hợp làm một: cảnh buồn, tình buồn, ngôn ngữ tâm trạng buồn tủi, cô đơn của Kiều thể hiện sâu lắng. Qua đó chúng ta thấy được sự thành công của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Theo dòng tâm trạng của Kiều câu thơ bắt vào nỗi nhớ:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ vơ Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.”

Khác với tâm trạng Thúy Kiều khi xa Thúc Sinh và xa Từ Hải sau này. Nỗi nhớ Kim Trọng gắn liền với kỷ niệm của đêm trăng thề nguyện qua hình ảnh “dưới nguyệt chén đồng”. Một lần nữa ánh trăng lại hiện ra. Ánh trăng là nhân chứng của tình yêu vẫn còn đó, lời thề: “tạc một chữ đồng đền xương” vẫn chưa ráo một người, một ngã chia xa. Người thì “rày trông mai chờ”, người thì bên trời “góc bể bơ vơ”. Lời thơ ít, ý thơ nhiều, những hình ảnh thơ chọn lọc đã diễn tả được nỗi nhớ nhưng da diết mạnh liệt của Kiều đối với Kim Trọng và tình cảnh bơ vơ của nàng. Càng nhớ đến Kim Trọng thì Kiều lại càng đau đớn cho thân phận mình, càng nuối tiếc mối tình đầu trong trắng, nàng càng ý thức được thân phận mình. Sau nỗi nhớ Kim Trọng đó là nỗi nhớ cha mẹ:

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

Nàng đã nhớ thương cha mẹ khôn nguôi. Chỉ bốn câu thơ đọc thoạt nội tâm mà tấm lòng hiếu thảo của Kiều đã được Nguyễn Du thể hiện thật cao đẹp và xúc động. Với bút pháp tài hoa độc đáo trong việc sử dụng sáng tạo ngôn ngữ văn học. Nguyễn Du đã khắc họa được bức tranh phong phú và sinh động về ngoại cảnh và tâm trạng qua việc sử dụng điển tích cổ của Trung Quốc. Từ những nỗi niềm buồn thương đó, Nguyễn Du đã khéo léo tô thêm màu xám trên ánh nhìn xa xăm của Kiều, đẩy sầu não lên thành đỉnh điểm, qua tám câu khép lại đoạn trích:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

Nhà thơ đã lấy khung cảnh thiên nhiên để làm nền sự vận động nội tâm của nhân vật trữ tình. Tất cả đều trở nên hoang sơ: “ Cửa bể chiều hôm” - thời điểm quen thuộc của nghệ thuật, của những lưu luyến khó tả. Đó là những hình ảnh những tia nắng leo lắt cuối ngày phản chiếu lên mặt biển xanh thẳm rồi lan ngay ra không gian xung quanh, khiến mọi thứ nhuộm màu sẫm tối, có cái gì như niềm lưu luyến tha thiết của Kiều về ngày tháng êm đềm xưa kia. Con thuyền và những cánh buồm đều ở rất xa, thoát ẩn thoát hiện trong ánh hoàng hôn trĩu buồn, như niềm hy vọng của nàng chỉ là những chấm nhỏ ngoài khơi xa mịt mờ, những từ thấp thoáng, xa xa càng khiến hy vọng nhạt nhòa. Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi trong lòng Kiều nỗi buồn về thân phận trôi nổi, không biết rồi sẽ bị trôi dạt, bị vùi dập ra sao:

“Buồn trông ngọn nước mới xa

Hoa trôi man mác biết là về đâu!”

Cánh hoa mỏng manh dập dìu trước ngọn nước từ trên cao đổ xuống. Thử hỏi, cánh hoa mỏng manh ấy làm sao chịu nổi sức nước tràn? Cũng giống như Kiều, một người con gái nhỏ bé, yếu ớt nhưng bị cuộc đời xô đẩy. Nhìn cảnh vật mà Kiều xót xa cho duyên phận, số kiếp của mình. Sau hình ảnh một cửa biển, một cách hoa giữa dòng nước là cảnh của một nội cỏ, nhưng là nội cỏ dầu dầu:

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

Tuy nhiên, bãi cỏ không còn mang màu xanh tươi như tiết thanh minh tháng ba mà nó “rầu rầu” gợi cho ta sự tàn úa đến thảm thương. Xanh trời nối tiếp xanh đất nhưng xanh nào cũng là màu xanh tàn úa, héo hắt. Màu xanh tàn héo ấy khiến cho bức tranh trở nên ảm đạm. Kiều nhìn vào màu xanh mong tìm kiếm chút hy vọng nhỏ nhoi, nhưng càng hy vọng thì càng thất vọng. Kiều lại rơi vào nỗi thất vọng ngập tràn. Cảnh buồn hay vì người buồn nên cảnh mới buồn. Nàng Kiều đã thật sự tuyệt vọng, cảnh vật mang màu tâm trạng. Nhìn cảnh vật u ám như tương lai mờ mịt của nàng. Cảnh vật đưa nàng vào suy nghĩ dần vật và đau xót hơn:

*”Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

Trong lúc tuyệt vọng nhất, Kiều thấy mình dường như chao đảo. Từng ngọn gió mạnh thổi sóng vỗ ầm ầm. Cảnh vật dường như cũng đang nhuốm màu hờn giận, mang tâm trạng của Kiều, mặt biển dậy sóng, lòng Kiều cũng dậy sóng. Những đợt sóng dữ dội như dự báo trước điều bất an, như cảnh báo một tương lai bão táp đang chờ Kiều trước mắt. Người con gái tài sắc trong hoàn cảnh đó đã hoảng loạn vô cùng. Và toàn bộ tám câu thơ kết thành một bức tranh thiên nhiên toàn cảnh với mặt biển, chân mây, cánh hoa, nội cỏ, sóng gào, gió cuốn vừa buồn thảm, vừa ghê sợ. Bức tranh thiên nhiên ấy đồng thời mang tâm trạng và hoàn cảnh cô đơn, tâm trạng hãi hùng trước tương lai mờ mịt. Đoạn thơ nói lên hiện tại lẻ loi, đơn độc và báo hiệu ngày mai đầy khủng khiếp của nàng. Qua đó, chúng ta thấy được ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Du trong việc sử dụng hình ảnh thiên nhiên để nói lên tâm trạng của Thúy Kiều thật đúng với lời khen ngợi: “như máu chảy ở đầu ngọn bút và thấu nghìn đời”.

Như vậy, qua đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” chúng ta thấy được sự tinh tế khi cảm nhận về thiên nhiên của thiên tài Nguyễn Du. Với những nét chấm phá đơn sơ, Nguyễn Du đã thổi hồn vào cảnh vật, để thiên nhiên nhuốm màu tâm trạng của con người. Đồng thời con người muốn gửi gắm tâm sự, nỗi lòng cũng như khát vọng vào thiên nhiên. Mỗi câu thơ trong Truyện Kiều như có sức truyền cảm kỳ lạ đến bạn đọc và để lại trong lòng người đọc những dư âm

3. Phân tích bút pháp tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối Kiều ở lầu Ngưng Bích của Nguyễn Du

Truyện Kiều là kiệt tác bất hủ của nền văn học Việt Nam và thế giới. Tác phẩm đã phản ánh sinh động xã hội thời đại của tác giả, khi mà chế độ phong kiến đang suy thoái đã bộc lộ đầy đủ tính chất mục nát, vô nhân tính, và tình cảnh các tầng lớp nhân dân bị dồn đến bước đường cùng không lối thoát. Một trong những thành công lớn của Truyện Kiều là nghệ thuật miêu tả nội tâm đạt đến trình độ sắc sảo hiếm có của thiên tài Nguyễn Du. Tài năng ấy thể hiện rất rõ trong tám câu cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

Đoạn trích nằm ở phần thứ hai “Gia biến và lưu lạc”. Sau khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà sợ mất vốn, bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ. Mẹ vờ chăm sóc, thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục, sẽ gả cho người tử tế; rồi đưa Kiều ra giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đợi thực hiện âm mưu mới. Sau đoạn này là việc Kiều bị Sở Khanh lừa và phải chấp nhận làm gái lầu xanh. Đoạn trích nằm giữa hai biến cố đau xót. Đây là những biến cố giúp ta hiểu những bàng hoàng tê tái và sự lo âu về tương lai của nàng Kiều.

Chính trong hoàn cảnh cô đơn nơi đất khách quê người, tâm trạng của Kiều chuyển từ buồn sang nhớ. Kiều nhớ người yêu, nhớ cha mẹ. Nỗi nhớ ấy được Nguyễn Du miêu tả xúc động bằng những lời độc thoại nội tâm của chính nhân vật. Đoạn thơ này được xem là kiểu mẫu của lối thơ tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển. Để diễn tả tâm trạng Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu dàu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

Đây là tám câu thơ thực tả cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng người: mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau. Trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn,

Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ của Nguyễn Du đạt đến trình độ nhuần nhị, điêu luyện. Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc qua điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, mong ngóng có cái gì đó mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại. Thế nhưng, Thúy Kiều càng trông mong càng vô vọng. Bởi thế, trong tâm trạng hỗn độn ấy, có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ hút tầm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng về tương lai của thiếu nữ ngày thơ lần đầu lại bước giữa cuộc đời ngang ngược.

Điệp ngữ “buồn trông” lại được kết hợp với các từ láy chủ yếu, chủ yếu là những từ láy tượng hình, thúc nhịp dồn dập: “thấp thoáng”, “xa xa”. Nhịp thơ dập dìu như lớp sóng khơi xa, tuy nhẹ nhưng lan tỏa, tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ và cũng là điệp khúc của tâm trạng:

*“Buồn trông cửa biển chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.*

Cửa biển là nơi gặp gỡ, cũng là nơi chia li. Cánh buồm là biểu tượng của sự kết nối. Cánh buồm thấp thoáng lúc ẩn lúc hiện nơi cửa bể chiều hôm gợi hành trình lưu lạc mờ mịt không biết đâu là bến bờ. Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển là một hình ảnh rất đắt để thể hiện nội tâm mong nhớ, khát vọng trở về của nàng Kiều. Một cánh buồm nhỏ nhoi đơn độc, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le loi cuối cùng của mặt trời sắp tắt; cũng như Kiều trong không gian vắng lặng của hiện tại nhìn về phương xa với nỗi buồn nhớ da diết về gia đình, quê hương.

Càng nhìn càng thấy rời xa. Cuối tầm nhìn, con thuyền gần như mất hút vẫn còn lênh đênh giữa dòng đời biết bao giờ mới được trở về sum họp đoàn tụ với những người thân yêu. Quá hụt hẫng, nàng đưa tầm nhìn về với dòng nước trôi:

*“Buồn trông ngọn nước mới ra
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”*

Hoa là biểu tượng của cái đẹp và sự mong manh. Nguyễn Du dùng hình ảnh hoa trôi tuy không có gì mới lạ nhưng hết sức kịp thời, đúng lúc. Hoa ấy không nở, không tàn, không ở trên cành cũng chẳng ở trên tay; cánh hoa ấy đang trôi bơ vơ, lạc lõng. Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên

dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Thúy Kiều càng buồn hơn bởi nàng như nhìn thấy thân phận mình lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi giữa sóng nước cuộc đời, không biết rồi sẽ trôi dạt đi đâu, sẽ bị vùi dập ra sao? Hoảng hốt, nàng nhìn quanh sân vườn mong tìm chút gì đó để tâm hồn an tịnh, để trái tim bớt cuồng nhiệt:

*“Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”.*

Nội cỏ “rầu rầu”, “chân mây mặt đất một màu xanh xanh” là sắc buồn nhuốm đẫm cả không gian. Sắc xanh héo úa, mù mịt, phai tàn trải dài từ “chân mây” đến “mặt đất”. Còn đâu cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm. Màu xanh này gợi cho Kiều một nỗi chán ngán, vô vọng về cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày vô vị, tẻ nhạt không biết kéo dài đến bao giờ. Dường như, dưới ánh mắt của Thúy Kiều, đất và trời chỉ là một màu xám đen bất tận. Quá hãi hùng, nàng trở về nương trú nơi chính mình. Thế nhưng, cả trí óc lẫn con tim nàng giờ đây đã chìm trong giông bão:

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.*

Dường như nỗi buồn càng lúc càng tăng, càng dồn dập. Một cơn “gió cuốn mặt duềnh” làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên ầm ầm như vây quanh ghế Kiều ngồi. Cái âm thanh “ầm ầm tiếng sóng” ấy chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã, đang ập đổ xuống đời nàng và còn tiếp tục đè nặng lên kiếp người nhỏ bé ấy trong xã hội phong kiến cổ hủ, bất công.

Tất cả là đợt sóng đang rầm thét, rì rào trong lòng nàng. Lúc này Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như ỉ dấn vào vực thẳm một cách bất lực. Nỗi buồn ấy đã dâng đến tột đỉnh, khiến Kiều thực sự tuyệt vọng. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là tượng nhìn qua tâm trạng theo quy luật “Người buồn có đầu bao giờ”.

Bằng nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “thấp thoáng”, “xa xa”, “man mác”, “rầu rầu”, “xanh xanh”, “ầm ầm”... góp phần làm nổi bật nỗi buồn nhiều bề trong tâm trạng Kiều. Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh.

Cảnh được miêu tả từ xa đến gần; màu sắc từ nhạt đến đậm; âm thanh từ tĩnh đến động; nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự dạt trôi, bế tắc, sự chao đảo nghiêng đổ dữ dội. Lúc này, Kiều trở nên tuyệt vọng, yếu đuối nhất, vì thế nàng đã mắc lừa Sở Khanh để rồi dấn thân vào cuộc đời ô nhục.

Nguyễn Du cũng đã vận dụng thành công thủ pháp nghệ thuật tăng tiến để miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều trước đất trời Ngưng Bích. Tâm trạng từ mong ngóng đến đợi trong, rồi hoang mang, hãi hùng đến bế tắc, tuyệt vọng, Kiều đã đi hết một vòng tròn nội tâm. Giây phút cuối cùng của trường đoạn tâm lí dồn dập đến nghẹt thở. Không có giọt nước mắt chảy xuống bởi nàng đã quá đốn đau, nhưng điều đó cũng đủ để người đọc xót xa cho số phận người người thiếu nữ chưa qua xuân trẻ đã vào gian truân.

Tám câu cuối “Kiều ở lầu Ngưng Bích” kết thúc trong sự bấn loạn tột độ của tinh thần Thúy Kiều. Đất trời không có gì thay đổi, chỉ có trong lòng của nhân vật đang cuồng quay giông bão. Nguyễn Du dường như đã đi đến tận cùng biện chứng tâm hồn, tỏ ra thấu hiểu con người khi ông chỉ bằng ngôn ngữ đã làm hiển thị được nỗi lòng và tâm tư của Thúy Kiều. Đoạn trích xứng đáng là một trong những đoạn thơ thành công nhất và khẳng định tài năng thi ca cùng tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

www.eLib.vn